

Số: 08/2025/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành được lập ngày 07 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 850A/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hương T, sinh năm 1993; trú tại: Tổ H, xã A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế (địa chỉ sau sáp nhập: Tổ H, phường A, Thành phố H).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1995; địa chỉ: 1 Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Ô lô B, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (địa chỉ sau sáp nhập: Ô lô B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1990; địa chỉ: B X, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần T2; địa chỉ: B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ sau sáp nhập: B P, phường T, tỉnh Đồng Nai).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Công ty Cổ Phần Đ và bà Võ Thị Hương T thống nhất chấm dứt hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số B1015/2023/HĐMB-CHCC-TG ngày 21/02/2023 đối với căn hộ số 15 tầng 10, Block B.

Công ty Cổ phần Đ nhận trách nhiệm trả lại cho bà Võ Thị Hương T số tiền 422.805.330 đồng và chuyển tiền vào tài khoản số 0281000582264 của bà Võ Thị Hương T tại Ngân hàng TMCP N.

Thời hạn trả tiền: 60 ngày kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2.2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đ tự nguyện chịu 5.228.053 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Võ Thị Hương T tự nguyện chịu 5.228.053 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.456.107 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000519 ngày 24 tháng 12 năm 2024 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh). Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 5.228.054 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Khánh L